TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/2023/QĐST- HNGĐ	*, ngày 09 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 39/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

1. Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1990.

Địa chỉ: SN 129A Trịnh Khả, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa

2. Chị Văn Thị N – sinh năm 1993.

Nơi thường trú: SN 129A Trịnh Khả, phường Đ, thành phố T.

Địa chỉ hiện nay: Chợ C1, khu phố S, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Văn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh, chị đều thừa nhận quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không khắc phục được. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Anh T1, chị N thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Văn Thị N.

[2].Về nuôi con: Anh T1, chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương C, sinh ngày 27/11/2017. Giao cháu C cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3].Về tài sản và công nợ: Anh T1, chị N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Anh T1, chị N thỏa thuận, anh T1 chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ theo quy định của pháp luật, chị N không phải chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn T và chị Văn Thị N thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con:* Anh T1, chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương C, sinh ngày 27/11/2017. Giao cháu C cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Anh T1, chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Tuấn chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2022/0002816 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (anh T1 đã nộp đủ lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND p.Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nga